

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HS-ST
Ngày 01/6/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn chung
Bà Đỗ Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Kim Kúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 31/5 và ngày 01/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-HS ngày 24/5/2022, đối với bị cáo:

1. Trần Minh B, sinh năm 1999; Nơi sinh: Ninh Hòa, Khánh Hòa; Nơi cư trú: Thôn Q, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Nghề nghiệp: Làm Thuê, trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Minh N (chết) và bà: Nguyễn Thị X, sinh năm 1979, Bị cáo có mặt tại phiên tòa. Bị cáo bị bắt, tại giữ, tạm giam từ ngày 25/6/2021 đến ngày 31/8/2021 thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Tiền án, Tiền sự: Không.

2. Nguyễn Văn V, sinh năm 1997; Nơi sinh: Ninh Hòa, Khánh Hòa; Nơi cư trú: Thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Nghề nghiệp: Làm Thuê; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1968 và bà: Lê Thị T, sinh năm 1973,

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/6/2021;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Tiền án, Tiền sự: Không.

- Người bị hại:

1. Võ Thị Thu H, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

2. Lê Thị N, sinh năm 1960

Nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt

3. Đặng Thị Nhật P, sinh năm 1970; vắng mặt
Nơi cư trú: Tổ dân phố 5, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa;
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*
1. Nguyễn Tấn H, sinh năm 1999; có mặt
 2. Nguyễn Tấn N – sinh 1991; vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn P, xã N, thị xã N, Khánh Hòa;
 2. Nguyễn Văn K – sinh 1993; vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn P, xã N, thị xã N, Khánh Hòa;
 3. Đoàn Văn T – sinh 1995; vắng mặt
Nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn L, LĐ, tỉnh Bà Rịa Vũng tàu.
- *Người làm chứng:*
1. Võ Hồng P, sinh năm 1959; vắng mặt
Nơi cư trú: Tổ dân phố 5, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa;
 2. Trần D, sinh năm 1957; vắng mặt
Nơi cư trú: Tổ dân phố 13, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 6 giờ ngày 25/6/2021, Nguyễn Văn V rủ Trần Minh B đi cướp giật tài sản để lấy tiền tiêu xài, B đồng ý rồi điều khiển xe mô tô biển số 72K1-268.96 chở V đi vòng qua nhiều tuyến đường thuộc phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa để tìm người có sơ hở để thực hiện. Khi đến đường Lê Ngọc Bán thuộc tổ dân phố 15, B và V thấy bà Võ Thị Thu H điều khiển xe mô tô đi trên đường có để một túi ni lông phía trước Baga. B Điều khiển xe vượt lên cho V ngồi sau dùng tay giật lấy túi ni lông rồi tăng ga bỏ chạy thì xe bị ngã xuống đường, Bà H cùng người dân bắt được V và kiểm tra trong túi nhựa có 01 túi xách bằng vải, 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note9s và 1.800.000 đồng. Còn B bỏ chạy đến 14 giờ cùng ngày thì bị Công an thị xã Ninh Hòa bắt giữ.

Tại kết luận định giá tài sản số 78 ngày 07/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Ninh Hòa kết luận: Điện thoại di động hiệu Redmi Note9s và 01 túi xách bằng vải cho chữ U.S.ARMV có tổng giá trị 4.099.690 đồng.

Qua điều tra xác định, cùng với động cơ, mục đích, thủ đoạn tương tự như trên, Trần Minh B, Nguyễn Văn V còn thực hiện hai vụ cướp giật khác trên địa bàn thị xã Ninh Hòa.

Vụ 1: Sáng ngày 28/5/2021, Trần Minh B dùng xe mô tô biển số 79H1-266.42 chở Nguyễn Văn V đi trên đường Trần Quốc Tuấn thuộc tổ dân phố 5, phường Ninh Hiệp, thấy bà Đặng Thị Nhật P đang đi xe đạp trên đường trong túi áo khoác có một túi nhựa, B điều khiển xe áp sát cho V ngồi sau dùng tay giật lấy túi nhựa rồi bỏ chạy. Sau đó kiểm tra trong túi có 1.400.000 đồng, 01 điện thoại hiệu Viettell màu đỏ (loại bàn phím), 01 cái ví vải màu hồng, cả hai chia nhau tiêu xài.

Tại kết luận định giá tài sản số 105 ngày 02/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Ninh Hòa kết luận: Điện thoại hiệu Viettell màu đỏ(loại bàn phím) giá trị: 165.000 đồng.

Vụ 2: Khoảng 07 giờ ngày 21/6/2021 Trần Minh B điều khiển xe mô tô biển số 72K1-268.96 chở Nguyễn Văn V đến đường Lê Ngọc Bán thuộc tổ dân phố 15, phường Ninh Hiệp, Thấy bà Lê Thị N đang điều khiển xe mô tô đi trên đường có để trong túi áo khoác 01 cái ví nhựa màu nâu, B điều khiển xe áp cho V giật lấy cái ví rồi bỏ chạy, sau đó kiểm tra trong ví có 4.400.000 đồng và chia nhau tiêu xài.

Tại bản Cáo trạng số 18 Ngày 24/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn V và Trần Minh B về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn V và Trần Minh B. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, Đề nghị khung hình phạt từ 05 năm đến 06 năm tù đối với Trần Minh B, Nguyễn Văn V;

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Lê Thị N yêu cầu bồi thường 4.400.000 đồng, bà Đặng Thị Nhật P yêu cầu bồi thường 1.400.000 đồng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu; bà Võ Thị Thu H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên không xét.

Vật chứng: 01 xe mô tô biển số 72K1.268.96 là tài sản do ông Nguyễn Văn K quản lý, sử dụng. Qua điều tra không chứng minh được K có liên quan đến hành vi cướp giật tài sản, do đó trả lại cho người quản lý hợp pháp.

Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Các Bị cáo không có ý kiến tranh luận với vị đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Nguyễn Văn V nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi của mình mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Trần Minh B nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi của mình mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Ninh Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[3] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn V và Trần Minh B đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử thấy Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa truy tố các bị cáo Nguyễn Văn V và Trần Minh B về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ đó là quyền sở hữu đối với tài sản của công dân, hành vi của các bị cáo thực hiện có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội nên cần xử phạt nghiêm mới đủ tính giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, cũng cần đánh giá vai trò và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo để quyết định hình phạt cho tương xứng

[5] Về vai trò và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đã 03 lần cùng nhau thực hiện hành vi dùng thủ đoạn nguy hiểm cướp giật tài sản của người khác có tổng trị giá 11.864.690đ.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn V là người khởi xướng, rủ rê Trần Minh B, bị cáo cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật. Đối với bị cáo Trần Minh B là người điều khiển xe mô tô trực tiếp chở bị cáo V đi thực hiện việc cướp giật tài sản của người đang đi xe mô tô là tình tiết định khung “Dùng thủ đoạn nguy hiểm”. Vì vậy, cần có một hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục, các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản cướp giật của bà Võ Thị Thu H đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của nhà nước ta, giúp các bị cáo yên tâm cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Trong vụ án này, Nguyễn Tấn H (Rót) khi cho các bị cáo B và V mượn xe mô tô biển số 79H1-266.42 sử dụng, H không biết việc các bị cáo sử

dụng xe mô tô này đi cướp giật tài sản của người khác nên không cấu thành tội phạm.

[7] Về xử lý vật chứng vụ án: 01 túi ni lông màu xanh có chữ CV, kích thước 70x25cm; 01 túi xách bằng vải cho chữ U.S. ARMY, kích thước 25x15cm, 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note9s; Số tiền 1.800.000đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Ninh Hòa đã trả cho chủ sở hữu theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 22 tháng 3 năm 2022 nên không xem xét.

Đối với 01 xe mô tô biển số 72K1-268.96, số máy 5C6K-184335, số khung RLCS5C6K0EY184324 đã qua sử dụng của ông Đoàn Văn T nhưng ông T khai đã bán chiếc mô tô này vào năm 2019, bán cho một tiệm cầm đồ ở tỉnh Bình Dương nhưng không nhớ rõ là tiệm nào. Còn ông Nguyễn Văn K khai mua xe mô tô 72K1-268.96 vào tháng 12/2020 ở thành phố Nha Trang của một người tên H (không biết lai lịch) có viết giấy tay nhưng nay đã thất lạc. Qua điều tra không chứng minh được K có liên quan đến hành vi cướp giật tài sản, do đó cần trả lại xe mô tô 72K1-268.96 cho ông Nguyễn Văn K là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Lê Thị N yêu cầu các bị cáo phải bồi thường 4.400.000 và bị hại bà Đặng Thị Nhật P yêu cầu các bị cáo phải bồi thường 1.400.000đ. Tổng số tiền mà các bị hại yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường là 5.800.000đ (năm triệu tám trăm ngàn đồng).

Tại phiên tòa, bị cáo V và bị cáo B mỗi bị cáo tự nguyện bồi thường số tiền 2.900.000đ (hai triệu chín trăm ngàn đồng) nên ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo.

Bị hại Bà Võ Thị Thu H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn V và Trần Minh B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 án phí hình sự sơ thẩm và 145.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

Căn cứ Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn V 05 (Năm) năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ tạm giam 25/6/2021;

2. Xử phạt bị cáo: Trần Văn B 05 (Năm) năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ vào thời gian bắt tạm giữ tạm giam từ ngày 25/6/2021 đến ngày 31/8/2021.

3. Về xử lý vật chứng vụ án:

- 01 túi ni lông màu xanh có chữ CV, kích thước 70x25cm; 01 túi xách bằng vải cho chữ U.S. ARMY, kích thước 25 x 15cm, 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note9s; Số tiền 1.800.000đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Ninh Hòa đã trả cho chủ sở hữu theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 22 tháng 3 năm 2022 nên không xem xét.

- Trả lại xe mô tô 72K1-268.96 có số máy 5C6K-184335, số khung RLCS5C6K0EY184324 đã qua sử dụng cho ông Nguyễn Văn K.

4. Về trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận sự tự nguyện liên đới bồi thường của bị cáo V và bị cáo B đối với số tiền 5.800.000đ (năm triệu tám trăm ngàn đồng) trong tổng số tiền mà bị hại Lê Thị N yêu cầu 4.400.000 và bị hại bà Đặng Thị Nhật P 1.400.000đ: trong đó bị cáo V và bị cáo B mỗi bị cáo tự nguyện bồi thường 2.900.000đ (hai triệu chín trăm ngàn đồng)

Quy định:

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Về án phí: các bị cáo B và V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 án phí hình sự sơ thẩm và 145.000đ án phí dân sự sơ thẩm

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết tổng đạt bản án hợp lệ.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Công an thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

NGUYỄN THỊ NHẬT ANH